

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2018/HS-PT**

Ngày 23-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Đức Kỳ**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Đình Thắng**

Ông **Bùi Trọng Danh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Quỳnh Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hiệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2018/HSPT ngày 26/02/2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

-Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị D (H), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT: Thôn, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú (tạm trú): Tổ 09 ấp 03, xã V, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn M (1939) và bà Tôn Thị R (c); Gia đình bị có có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; có chồng tên Nguyễn Văn Đ, bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/02/2006 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 31/8/2006 (đã được xóa án tích đương nhiên). Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua các mối quan hệ, Nguyễn Thị D quen biết vợ chồng anh Nguyễn Thế S và chị Phan Thị Hoài T. Biết chị T có nhu cầu xin việc làm tại Ngân hàng, nên D nảy sinh ý định lừa chị T để chiếm đoạt tài sản với thủ đoạn: Quá trình tiếp xúc, D tự xưng mình tên Nguyễn Phạm Mai H, có chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và

phát triển nông thôn Việt Nam, văn phòng Miền Trung đóng tại Đà Nẵng nên chị T và anh S tin tưởng nhờ D xin việc cho chị T vào làm việc tại ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng. D yêu cầu anh S và chị T đưa số tiền là 20.000.000 đồng thì D sẽ xin được việc làm cho chị T, chị T và anh S đồng ý. Anh S đã đưa cho D nhiều lần, trong đó:

Đợt 1: Anh Sanh đưa cho chị Dung 4.000.000 đồng vào khoảng đầu tháng 7/2011 tại quán cà phê trên đường Trần Quốc Toản, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Đợt 2: Anh Sanh đưa cho chị Dung 4.000.000 đồng vào khoảng đầu tháng 7/2011 tại quán cà phê trên đường Trần Quốc Toản, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Đợt 1: Anh Sanh đưa cho chị Dung 6.000.000 đồng vào khoảng đầu tháng 7/2011 tại quán cà phê trên đường Trần Quốc Toản, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Số tiền còn lại thì anh S chuyển cho Nguyễn Thị D vào tài khoản số 2000206142xxx tại Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Đà Nẵng, chia làm 3 đợt, mỗi đợt 2.000.000 đồng vào các ngày 18/8/2011, 22/8/2011 và 31/8/2011, tất cả các lần gửi tiền D yêu cầu lấy tên người chuyển tiền là Nguyễn Phạm Mai H. Sau khi nhận tiền, D hứa hẹn đến đầu tháng 9/2011 là có kết quả, tuy nhiên đến hạn D cứ khất lần này đến lần khác với nhiều lí do khác nhau, đến tháng 10/2011 thì chị T không liên lạc được với D nên làm đơn tố cáo lên Công an quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Sau khi cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu mời về làm việc thì D trốn khỏi địa phương, nên ngày 21/8/2010 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu ra Quyết định truy nã số 04 đối với Nguyễn Thị D. Ngày 25/9/2017 Nguyễn Thị D đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an Tp Đà Nẵng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị D 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 22/01/2018, bị cáo Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về phần thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung đơn kháng cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Thị D bằng thủ đoạn gian dối đã có hành vi lừa đảo xin việc và chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng nên Bản án sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành

phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị D đã thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999 là đúng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị D phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 8/2011, tại địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, bằng thủ đoạn gian dối là lừa đảo xin việc làm, bị cáo Nguyễn Thị D đã chiếm đoạt của chị Phan Thị Hoài T và anh Nguyễn Thế S số tiền 20.000.000đồng nên bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như Bản án sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử là có căn cứ, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, vai trò, mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đồng thời áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 09 (chín) tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị D và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị D** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

2/ Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị D 09 (chín) tháng tù** về tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CATP Đà Nẵng (PV 27);
- Vụ 1;
- VKSND quận Hải Châu;
- Công an quận Hải Châu ;
- TAND quận Hải Châu ;
- Chi cục THA quận Hải Châu;
- Sở tư pháp TPĐN;
- TB kết quả xét xử;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Đức Kỳ

